

**Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife  
Việt Nam**

Báo cáo của Chủ tịch công ty  
và  
Các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

ngày 31 tháng 12 năm 2009

# Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY	1 - 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 20

# Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### CÔNG TY

Công ty là một Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000117 ngày 10 tháng 6 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo Quyết định số 04/UBCK-GPHĐQLQ ngày 14 tháng 6 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các quyết định điều chỉnh sau:

<i>Quyết định điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
413/QĐ-UBCK	Ngày 12 tháng 7 năm 2007
06/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 11 tháng 10 năm 2007
13/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 3 tháng 4 năm 2008

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife (Việt Nam), là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2122/GP ngày 12 tháng 6 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép chấp thuận cho Công ty thực hiện kinh doanh bảo hiểm số 13TC/GCN ngày 20 tháng 5 năm 1999 do Bộ Tài chính cấp. Công ty đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh theo Luật kinh doanh bảo hiểm và nhận giấy phép thành lập và hoạt động mới số 13/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 24 tháng 1 năm 2005 và các giấy phép kinh doanh điều chỉnh số 13/GPĐC1/KDBH ngày 13 tháng 9 năm 2006, 13/GPĐC3/KDBH ngày 6 tháng 12 năm 2007 và 13/GPĐC4/KDBH ngày 13 tháng 5 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 75 đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<i>Đơn vị: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
(Lỗ) Lợi nhuận thuần sau thuế	(8.383.243.646)	3.821.471.284
Lợi nhuận để lại vào cuối năm	2.348.145.920	10.731.389.566

### CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 và vào ngày lập báo cáo này là bà Trịnh Bích Ngọc.

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

# Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY (tiếp theo)

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đang áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã cam kết với Chủ tịch công ty rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

## PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty Quản lý Quỹ được quy định tại Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính và tuân thủ các quy định có liên quan.

  
Trinh Bích Ngọc  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2010

Số tham chiếu: 60760012/14135108

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam**

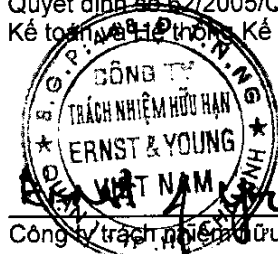
Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính") được trình bày từ trang 4 đến trang 20. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến kiểm toán**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Trưởng Tài chính và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



*Ernst & Young Vietnam Ltd.*  
Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

*Maria Cristina M. Calimbas*

Maria Cristina M. Calimbas  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên công chứng  
Số đăng ký: N. 1073/KTV

*Đào Thanh Tùng*

Đào Thanh Tùng  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên công chứng  
Số đăng ký: 0516/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2009

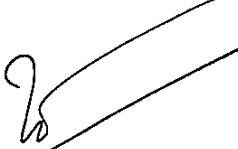
Đơn vị: VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	<b>A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG</b>		<b>40.830.310.410</b>	<b>40.199.122.583</b>
110	<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>4</b>	<b>39.275.013.229</b>	<b>34.291.024.698</b>
112	1. Tiền		5.758.541.404	3.141.619.774
114	2. Các khoản tương đương tiền		33.516.471.825	31.149.404.924
130	<i>II. Các khoản phải thu</i>	<b>5</b>	<b>834.219.651</b>	<b>5.039.626.760</b>
132	1. Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ		305.128.782	157.782.122
133	2. Phải thu nội bộ		-	4.517.811.224
134	3. Phải thu ngắn hạn khác		529.090.869	364.033.414
150	<i>III. Tài sản ngắn hạn khác</i>		<b>721.077.530</b>	<b>868.471.125</b>
151	1. Vật liệu, công cụ, dụng cụ		6.641.244	12.712.809
152	2. Tài sản lưu động khác	<b>6</b>	714.436.286	855.758.316
200	<b>B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>		<b>2.820.866.115</b>	<b>2.093.152.116</b>
210	<i>I. Tài sản cố định</i>	<b>7</b>	<b>249.722.869</b>	<b>355.394.791</b>
211	1. Tài sản cố định hữu hình		249.722.869	355.394.791
212	Nguyên giá		528.359.604	528.359.604
213	Giá trị hao mòn lũy kế		(278.636.735)	(172.964.813)
260	<i>II. Tài sản dài hạn khác</i>		<b>2.571.143.246</b>	<b>1.737.757.325</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	<b>8</b>	1.178.127.172	1.518.959.524
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	<b>16.3</b>	1.084.891.074	161.739.961
263	3. Tài sản dài hạn khác	<b>9</b>	308.125.000	57.057.840
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>43.651.176.525</b>	<b>42.292.274.699</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>15.303.030.605</b>	<b>5.560.885.133</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>15.025.715.745</b>	<b>5.144.430.773</b>
312	1. Phải trả người bán		-	-
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	348.095.610	502.977.013
315	3. Chi phí phải trả	11	2.310.668.954	1.174.421.890
316	4. Phải trả các bên liên quan	17	12.362.819.385	3.459.621.614
317	5. Phải trả, phải nộp khác		4.131.796	7.410.256
<b>340</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>277.314.860</b>	<b>416.454.360</b>
341	1. Dự phòng trợ cấp thôi việc		233.319.500	372.459.000
346	2. Dự phòng trợ cấp mất việc		43.995.360	43.995.360
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>12</b>	<b>28.348.145.920</b>	<b>36.731.389.566</b>
411	1. Nguồn vốn kinh doanh		26.000.000.000	26.000.000.000
420	2. Lợi nhuận chưa phân phối		2.348.145.920	10.731.389.566
<b>430</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>43.651.176.525</b>	<b>42.292.274.699</b>

  
Trần Hồng Tiên  
Kế toán trưởng

  
Chow Wing Kee  
Quyền Tổng Giám đốc


Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	Doanh thu hoạt động quản lý quỹ	13	10.704.165.151	16.045.196.964
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	Doanh thu thuần		10.704.165.151	16.045.196.964
13	Doanh thu hoạt động tài chính	14	2.416.088.976	3.770.975.770
14	Chi phí tài chính		(490.455.569)	(101.318.721)
15	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	(21.936.193.317)	(15.522.634.224)
16	(Lỗ) lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.306.394.759)	4.192.219.789
20	Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế		(9.306.394.759)	4.192.219.789
21	Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.1	-	(532.488.466)
22	Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	16.3	923.151.113	161.739.961
23	(Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN		(8.383.243.646)	3.821.471.284



Trần Hồng Tiên  
Kế toán trưởng



Chow Wing Kee  
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

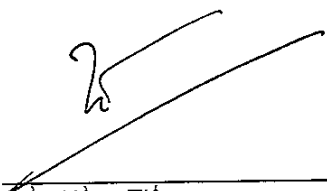
Ngày 1 tháng 3 năm 2010




BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp trực tiếp)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ phí quản lý quỹ		2.495.435.010	3.190.509.788
05	2. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		23.657.840	2.200.000
08	3. Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước		-	(887.174.983)
09	4. Tiền trả cho cán bộ công nhân viên		-	(132.879.913)
11	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.321.221)	(3.054.017.927)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		<b>2.516.771.629</b>	<b>(881.363.035)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
37	1. Tiền thu lãi		2.467.216.902	3.427.271.920
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		<b>2.467.216.902</b>	<b>3.427.271.920</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
50	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
60	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		<b>4.983.988.531</b>	<b>2.545.908.885</b>
70	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		<b>34.291.024.698</b>	<b>31.745.115.813</b>
90	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	<b>39.275.013.229</b>	<b>34.291.024.698</b>

  
Trần Hồng Tiến  
Kế toán trưởng

  
Chow Wing Kee  
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. CÔNG TY**

Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Manulife Việt Nam ("Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4104000117 ngày 10 tháng 6 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và theo Quyết định số 04/UBCK-GPHĐQLQ ngày 14 tháng 6 năm 2005 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và các quyết định điều chỉnh sau:

<i>Quyết định điều chỉnh số</i>	<i>Ngày</i>
413/QĐ-UBCK	Ngày 12 tháng 7 năm 2007
06/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 11 tháng 10 năm 2007
13/UBCK-GPĐCQLQ	Ngày 3 tháng 4 năm 2008

Chủ sở hữu duy nhất của Công ty là Công ty trách nhiệm hữu hạn Manulife (Việt Nam), là một doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 2122/GP ngày 12 tháng 6 năm 1999 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép chấp thuận cho Công ty thực hiện kinh doanh bảo hiểm số 13TC/GCN ngày 20 tháng 5 năm 1999 do Bộ Tài chính cấp. Công ty đã tiến hành đăng ký lại giấy phép kinh doanh theo Luật kinh doanh bảo hiểm và nhận giấy phép thành lập và hoạt động mới số 13/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 24 tháng 1 năm 2005 và các giấy phép kinh doanh điều chỉnh số 13/GPĐC1/KDBH ngày 13 tháng 9 năm 2006, 13/GPĐC3/KDBH ngày 6 tháng 12 năm 2007 và 13/GPĐC4/KDBH ngày 13 tháng 5 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty là lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 75 đường Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 15 người (2008: 18 người).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng**

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") và được lập theo các chính sách kế toán được quy định tại Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính và theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam. Theo Quyết định này, các báo cáo tài chính của Công ty bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (phương pháp trực tiếp); và
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng (tiếp theo)**

***Các Chuẩn mực đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực***

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực từ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 trở đi. Ban Giám đốc của Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty trong tương lai.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đồng tiền kế toán**

Công ty ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**3.3 Tài sản cố định**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.3 Tài sản cố định (tiếp theo)**

**Khấu hao**

Khấu hao thiết bị văn phòng được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

**3.4 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.6 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

**3.7 Các khoản dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ (nghĩa vụ pháp lý hoặc yếu tố cấu thành nghĩa vụ) như là kết quả của sự kiện diễn ra trong quá khứ, có thể xảy ra khả năng Công ty cần tiêu hao một nguồn lực gồm các lợi ích kinh tế để thực hiện nghĩa vụ đó và Công ty có thể ước tính một cách chắc chắn giá trị của nghĩa vụ.

**3.8 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Công ty áp dụng hướng dẫn theo VAS 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("VAS 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong năm tài chính trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo VAS 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái ("Thông tư 201") như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

<i>Nghiệp vụ</i>	<i>Xử lý kế toán theo VAS 10</i>	<i>Xử lý kế toán theo Thông tư 201</i>
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản "Chênh lệch tỷ giá" trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh	Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh
		Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính của Công ty nếu Công ty áp dụng Thông tư 201 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được trình bày ở Thuyết minh 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

##### *Phí quản lý*

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều kiện, điều khoản của hợp đồng quản lý đầu tư.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.10 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi thanh toán		
Ngân hàng City Bank, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	5.660.136.543	3.141.619.774
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC Việt Nam	98.404.861	-
Tiền gửi kỳ hạn		
Ngân hàng Deutsche, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	17.241.395.586	-
Ngân hàng ANZ, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	16.275.076.239	16.129.247.311
Ngân hàng Standard Chartered, chi nhánh Hà Nội	-	15.020.157.613
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>39.275.013.229</u></b>	<b><u>34.291.024.698</u></b>

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

	<i>Đơn vị: VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	305.128.782	157.782.122
Lãi phải thu từ tiền gửi kỳ hạn	303.375.248	364.033.414
Phải thu từ bên liên quan	-	4.517.811.224
Phải thu khác	225.715.621	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>834.219.651</u></b>	<b><u>5.039.626.760</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG KHÁC**

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí trả trước ngắn hạn	712.036.203	855.710.716
Tạm ứng	2.400.000	47.600
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa ( <i>Thuyết minh số 16.2</i> )	83	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>714.436.286</u></b>	<b><u>855.758.316</u></b>

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	<i>Thiết bị văn phòng</i>	
<b>Nguyên giá:</b>		
Số đầu năm		528.359.604
Tăng trong năm		-
Số cuối năm		<u>528.359.604</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>		
Số đầu năm		172.964.813
Khấu hao trong năm		<u>105.671.922</u>
Số cuối năm		<u>278.636.735</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>		
Số đầu năm		<u>355.394.791</u>
Số cuối năm		<u>249.722.869</u>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu là khoản chi phí trả trước cho dịch vụ phần mềm Portia từ Công ty TNHH Manulife Financial - Hồng Kông.

**9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

Tài sản dài hạn khác là các khoản ký quỹ thuê nhà cho các chuyên gia người nước ngoài.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Thuế thu nhập cá nhân	246.770.247	288.202.962
Thuế nhà thầu nước ngoài	101.325.363	98.121.286
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	116.652.765
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>348.095.610</u></b>	<b><u>502.977.013</u></b>

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền thưởng	2.087.949.049	640.664.955
Phí kiểm toán	64.631.193	68.726.892
Phí vận chuyển	-	300.000.000
Chi phí phải trả khác	158.088.712	165.030.043
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.310.668.954</u></b>	<b><u>1.174.421.890</u></b>

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

12.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	<i>Đơn vị: VND</i>		
	<i>Vốn góp</i>	<i>Lợi nhuận chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Năm trước:</b>			
Số đầu năm	26.000.000.000	6.909.918.282	32.909.918.282
Lợi nhuận trong năm	-	3.821.471.284	3.821.471.284
Số cuối năm	<u>26.000.000.000</u>	<u>10.731.389.566</u>	<u>36.731.389.566</u>
<b>Năm nay:</b>			
Số đầu năm	26.000.000.000	10.731.389.566	36.731.389.566
Lỗ thuần trong năm	-	(8.383.243.646)	(8.383.243.646)
Số cuối năm	<u>26.000.000.000</u>	<u>2.348.145.920</u>	<u>28.348.145.920</u>

12.2 Vốn pháp định

	<i>Đơn vị: VND</i>		
	<i>theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</i>		<i>Vốn pháp định đã góp</i>
	<i>kinh doanh</i>	<i>%</i>	
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	<u>26.000.000.000</u>	<u>100</u>	<u>26.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ**

Doanh thu phí quản lý từ:

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)	8.061.383.481	13.441.710.334
Quỹ đầu tư tăng trưởng Manulife	2.585.430.521	2.603.486.630
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Hàn Quốc (Việt Nam)	57.351.149	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.704.165.151</u></b>	<b><u>16.045.196.964</u></b>

**14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Doanh thu từ hoạt động tài chính chủ yếu là khoản tiền lãi từ tiền gửi kỳ hạn tại Ngân hàng với giá trị là 2.406.558.736 đồng Việt Nam (2008: 3.770.976.770 đồng Việt Nam)

**15. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	15.188.828.676	10.048.720.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.753.946.147	1.250.679.496
Thuê văn phòng	1.464.750.836	1.356.049.134
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 7)	105.671.922	105.398.571
Chi phí khác	2.422.995.736	2.761.786.031
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>21.936.193.317</u></b>	<b><u>15.522.634.224</u></b>

**16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được trong 10 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh và bằng 25% trong các năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2006) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 3 năm tiếp theo. Do Công ty bị lỗ trong năm 2009 nên Công ty không trích thuế TNDN

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	532.488.466
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(923.151.113)	(161.739.961)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>(923.151.113)</b>	<b>370.748.505</b>

16.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận (lỗ) trước thuế và lợi nhuận (lỗ) chịu thuế:

	<i>Đơn vị: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>(Lỗ) lợi nhuận thuần trước thuế</b>	<b>(9.306.394.759)</b>	<b>4.192.219.789</b>
<b>Các điều chỉnh</b>		
Chi phí bảo hiểm cho nhân viên	23.214.840	30.330.792
Các khoản phạt	1.100.000	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	50.568.788	97.305.365
Thay đổi trong chi phí trích trước	1.138.402.264	1.143.621.890
Thay đổi trong trợ cấp thôi việc	(139.139.500)	191.835.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	-	101.318.721
<b>(Lỗ)/thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>(8.232.248.367)</b>	<b>5.756.632.057</b>
<b>Thuế TNDN ước tính năm hiện hành (10%)</b>	<b>-</b>	<b>575.663.206</b>
Thuế TNDN được giảm theo Nghị quyết CP 30/2008/NQ-CP	-	43.174.740
<b>Thuế TNDN ước tính năm hiện hành sau giảm trừ</b>	<b>-</b>	<b>532.488.466</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	116.652.765	-
Thuế TNDN đã trả trong năm	(116.652.848)	(415.835.701)
<b>Thuế TNDN (phải thu) phải trả cuối năm</b>	<b>(83)</b>	<b>116.652.765</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

16.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

*Đơn vị: VND*

	<i>Bảng cân đối kế toán</i>		<i>Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	Lỗ có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	823.224.837	-	823.224.837
Chi phí trích trước	228.202.415	114.362.189	113.840.226	114.362.189
Trợ cấp thôi việc	23.331.950	37.245.900	(13.913.950)	37.245.900
Lỗ chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	10.131.872	10.131.872	-	10.131.872
	<b>1.084.891.074</b>	<b>161.739.961</b>	<b>923.151.113</b>	<b>161.739.961</b>
<b>Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại</b>			<b>923.151.113</b>	<b>161.739.961</b>

Công ty tin tưởng trong tương lai sẽ có lợi nhuận đáng kể để sử dụng khoản lỗ tính thuế chuyển sang và những chênh lệch tạm thời khác.

17. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

*Đơn vị: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH Manulife Việt Nam	Công ty mẹ	Phí quản lý	8.061.383.481
		Phí thuê văn phòng	1.464.750.836
		Phí dịch vụ	1.008.467.582
		Chi hộ chi phí lương	5.009.414.146
		Chi hộ chi phí khác	8.486.516.187
Công ty TNHH Manulife Financial - Hồng Kông	Các bên hữu quan	Chi hộ chi phí lương người nước ngoài	4.348.751.894
		Chi hộ chi phí khác	1.164.491.833

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**17. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị: VND</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải trả</i>
<b><i>Khoản phải trả</i></b>			
Công ty TNHH Manulife Việt Nam	Công ty mẹ	Chi phí khác	3.389.954.044
Công ty TNHH Manulife Financial - Hồng Kông	Các bên hữu quan	Chi phí lương người nước ngoài	5.606.617.041
		Chi phí khác	3.366.248.300
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>12.362.819.385</b>

**18. ẢNH HƯỞNG CỦA THÔNG TƯ 201 ĐẾN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Như đã trình bày ở Thuyết minh 3.8, Công ty đã tiếp tục áp dụng hướng dẫn về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ theo VAS 10, hướng dẫn này khác biệt so với các quy định trong Thông tư 201.

Nếu Công ty tiếp tục áp dụng Thông tư 201 cho năm 2009, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ như sau:

<i>Đơn vị: VND</i>			
	<i>VAS 10</i>	<i>Thông tư 201</i>	<i>Chênh lệch</i>
<b>Bảng cân đối kế toán</b>			
Các khoản mục tiền tệ tài sản ngắn hạn	40.111.632.963	40.111.632.963	-
Các khoản mục tiền tệ tài sản dài hạn	308.125.000	308.125.000	-
Các khoản mục tiền tệ công nợ ngắn hạn	12.715.046.791	12.715.046.791	-
Các khoản mục tiền tệ công nợ dài hạn	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(490.455.569)	490.455.569
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>			
Lỗi chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh	(490.455.569)	-	(490.455.569)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. CÁC CAM KẾT**

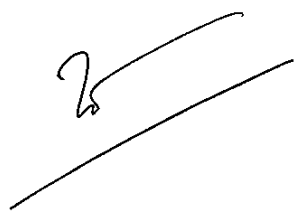
**Cam kết thuê hoạt động**

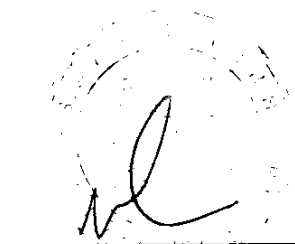
Công ty hiện đang thuê văn phòng và nhà theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Đến 1 năm	1.297.713.038	2.363.911.632
Từ 1 năm đến dưới 5 năm	-	1.502.905.902
Trên 5 năm	-	-

**20. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản</b>		
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	6,46%	4,95%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	93,54%	95,05%
<b>2. Tỷ suất sinh lợi</b>		
- Tỷ suất (lỗ) lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	(78,32%)	23,82%
- Tỷ suất (lỗ) lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ đã góp	(32,24%)	14,70%
<b>3. Tình hình tài chính</b>		
- Tỷ lệ nợ phải trả/Tổng tài sản	35,06%	13,15%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	261,39%	666,57%
- Tổng giá trị còn lại của tài sản cố định/ Tổng vốn chủ sở hữu	0,88%	0,97%

  
\_\_\_\_\_  
Trần Hồng Tiên  
Kế toán trưởng

  
\_\_\_\_\_  
Chow Wing Kee  
Quyền Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2010